**Tổng hợp TEST: Chủ đề: - 13/ Ung thư dạ dày**

**- 10/ Hẹp môn vị**

**Câu 1:** .Nhưng thương tổn thực thể có thể gây hẹp môn vị (chọn câu đúng)

A. Ổ loét non B. Thương tổn ung thư

C. Ổ loét xơ chai D. A,C đúng

E. B,C đúng

**Câu 2:** .Ure máu tăng trong hẹp môn vị là do? (chọn câu đúng)

A. Rối loạn dinh dưỡng B. Tăng do suy thận trước thận

C. Tăng do sự dị hóa protein D. Tăng do suy thận sau thận

E. Tăng do suy thận tại thận

**Câu 3:** .Những rối loạn điện giải trong hẹp môn vị, chọn câu đúng:

A. Cl- tăng, K+ tăng, dự trữ kiềm tăng B. Cl- tăng, K+ giảm, dự trữ kiềm tăng

C. Cl- giảm, K+ giảm, dự trữ kiềm giảm D. Cl- giảm, K+ giảm, dự trữ kiềm tăng

E. Cl- tăng, K+ giảm, dự trữ kiềm giảm

**Câu 4:** .Trong giai đoạn tăng trương lực, chọn câu đúng:

A. Đau thường có, nôn trễ sau ăn, Bouveret (+)

B. Đau ít có, nôn sớm sau ăn, Bouveret (+)

C. Đau thường có, nôn trễ sau ăn, đau giảm với thuốc điều trị loét

D. Đau thường có, nôn trễ sau ăn, đau giảm sau nôn

E. Tất cả đều đúng

**Câu 5:** .Giai đoạn mất trương lực, chọn câu đúng:

A. Đau nhiều, nôn nhiều, óc ách khi đói (+)

B. Đau nhiều, nôn ít nhưng lượng nhiều, óc ách khi đói (+)

C. Đau giảm, nôn ít nhưng lượng nhiều, óc ách khi đói (+)

D. Đau giảm, nôn ít nhưng thức ăn ứ đọng rất lâu, óc ách khi đói (+)

E. Tất cả đều đúng

**Câu 6:** .Dấu Bouveret và óc ách khi đói điển hình của hẹp môn vị và gặp nhiều nhất của một trong những nguyên nhân sau, chọn câu đúng:

A. Ung thư dạ dày B. Loét tá tràng

C. Loét dạ dày D. Phì đại môn vị ở người lớn

E. Màng ngăn bẩm sinh

**Câu 7:** .Óc ách khi đói là dấu hiệu đặc hiệu trên lâm sàng thực hiện khi BN… (chọn câu đúng)

A. Mới vừa ăn B. Vào bất cứ lúc nào trong ngày

C. Lúc sáng sớm khi BN đói D. Nhịn ăn 2 giờ

E. Nhịn ăn 4 giờ

**Câu 8:** .Nội soi DDTT có thể cho phép, chọn câu đúng:

A. Chẩn đoán xác định có hẹp môn vị hay không

B. Chẩn đoán xác định nguyên nhân

C. Chẩn đoán xác định liệt dạ dày do thương tổn thực thể hay nguyên nhân khác

D. A, B đúng

E. A,B,C đúng

**Câu 9:** .Nguyên tắc điều trị hẹp môn vị là, chọn câu đúng:

A. Cấp cứu nội khoa B. Cấp cứu ngoại khoa có trì hoãn

C. Cấp cứu ngoại khoa D. A,C đúng

E. A,B đúng

**Câu 10** .Phương pháp điều trị nào sau đây thường được sử dụng và triệt để nhất, cùng lúc vừa điều trị biến chứng hẹp môn vị vừa điều trị nguyên nhân gây hẹp môn vị do loét:

A. Nối vị tràng B. Cắt TK X + mở rộng môn vị

C. Cắt TK X + nối vị tràng D. Cắt dạ dày

E. Mở thông hỗng tràng

**Câu 11:** . Phương pháp điều trị nào sau đây là triệt để nhất để điều trị hẹp môn vị do ung thư:

A. Cắt dạ dày làm sạch B. Mở thông hỗng tràng

C. Cắt dạ dày + nạo vét hạch kèm theo D. Nối vị tràng

E. Cắt TK X + nối vị tràng

**Câu 12:** . Phương pháp điều trị nào sau đây cùng lúc vừa điều trị biến chứng hẹp môn vị vừa điều trị nguyên nhân gây hẹp môn vị do loét hành tá tràng, ngoại trừ:

A. Nối vị tràng B. Cắt TK X + mở rộng môn vị

C. Cắt TK X + nối vị tràng D. Cắt dạ dày

E. Mở thông hỗng tràng

**Câu 13:** . Phương pháp điều trị nào sau đây có ý nghĩa tạm thời để điều trị hẹp môn vị do ung thư, ngoại trừ:

A. Cắt dạ dày với ý nghĩa làm sạch B. Mở thông hỗng tràng nuôi ăn

C. Cắt dạ dày + nạo các hạch D. Nối vị tràng

**Câu 14:** .Hầu hết các BN bị hẹp môn vị, vì nôn và không ăn uống được nên khi BN đến BV trong tình trạng dưới đây, ngoại trừ:

A. Gầy sút mất cân rõ rệt B. Tiểu nhiều

C. Môi khô, mắt trũng sâu D. Bấm véo da để lại nếp

E. Táo bón

**Câu 15:** .Chẩn đoán xác định hẹp môn vị do loét, chọn câu đúng:

A. Nôn ra thức ăn cũ, hết đau sau khi nôn B. Dạ dày dãn lớn hình cái chậu

C. Dấu Bouveret và dấu óc ách khi đói D. Ứ đọng ở DD với 3 lớp phân cách trên XQ

E. Hình ảnh tuyết rơi trên chiếu XQ F. Tất cả đều đúng

**Câu 16:** .Ung thư dạ dày xảy ra nhiều nhất ở lứa tuổi:

A. Thiếu niên B. Trung niên

C. Thanh niên D. Lớn tuổi

E. B và C đúng

**Câu 17:** .Vị trí nào gặp nhiều nhất của Ung thư dạ dày:

A. Tâm vị B. Phình vị

C. Thân vị D. Bờ cong lớn

E. Hang-môn vị

**Câu 18:** .Mô học thường gặp nhất của ung thư dạ dày là:

A. Tế bào lát tầng B. Tế bào biểu mô

C. Tế bào gai D. Tế bào liên kết

E. Carcinoid

**Câu 19:** Số chặng bạch huyết của dạ dày:

A. 1 B. 2

C. 3 D. 4

E. 5

**Câu 20:** .Khi ung thư lan đến lớp cơ, thuộc giai đoạn:

A. Giai đoạn 0 B. Giai đoạn 1

C. Giai đoạn 2 D. Giai đoạn 3

E. Giai đoạn 4

**Câu 21:** .Di căn nào gặp nhiều nhất của K dạ dày?

A. Gan B. Não

C. Phổi D. Tụy

E. Xương

**Câu 22:** . Triệu chứng sớm của K dạ dày:

A. Chán ăn B. Đau

C. Nôn D. Bón

E. Nôn máu

**Câu 23:** .Nôn là triệu chứng của ung thư ở?

A. Tâm vị B. Bờ cong lớn

C. Phình vị D. Hang môn vị

E. Bờ cong nhỏ

**Câu 24:** . Nghẹn là triệu chứng của K dạ dày ở đoạn nào?

A. Tâm vị B. Bờ cong lớn

C. Phình vị D. Hang môn vị

E. Bờ cong nhỏ

**Câu 25:** .Vị trí thường gặp của khối u ung thư dạ dày:

A. Hạ sườn phải B. Hông trái

C. Hạ sườn trái D. Trên rốn

E. Hông phải

**Câu 26:** .Triệu chứng toàn thân nào hay gặp nhất trong K dạ dày?

A. Sụt ký B. Vàng da

C. Phù D. Mất nước

E. Da xanh

**Câu 27:** .Phương tiện nào sau đây có giá trị nhất trong chẩn đoán K dạ dày?

A. XQ bụng không sửa soạn B. Nội soi DDTT

C. XQ dạ dày tá tràng D. Chụp CT-scan

E. Siêu âm bụng

**Câu 28:** Làm gì để xác định chẩn đoán khi một BN lớn tuổi sút ký da xanh mà không thấy lý do?

A. XQ tim phổi B. Nội soi DDTT

C. XQ dạ dày tá tràng D. Xét nghiệm hồng cầu, hematocrit

E. Siêu âm bụng

**Câu 29:** .Những XN nào sau đây thay đổi nhiều trong K dạ dày?

A. Hồng cầu B. Ure máu

C. Bạch cầu D. Tốc độ máu lắng

E. Tiểu cầu

**Câu 30:** .Biến chứng gặp nhiều nhất trong K dạ dày?

A. Nôn máu B. Hẹp môn vị

C. Tiêu phân đen D. Hẹp tâm vị

E. Thủng

**Câu 31:** .Tiên lượng sống 5 năm sau mổ phụ thuộc chủ yếu vào:

A. Vị trí thương tổn B. Phương pháp phẫu thuật

C. Giai đoạn ung thư D. Tiền sử bệnh

E. Tuổi bệnh nhân

**Câu 32:** .Được gọi là K dạ dày ở giai đoạn sớm khi thương tổn K được tìm thấy?

A. Khu trú ở lớp niêm mạc hay dưới niêm mạc B. Ở lớp cơ

C. Chưa xâm lấn đến nhóm hạch chặng 1 D. Chưa xâm lấn thanh mạc

E. Chưa xâm lấn đến nhóm hạch chặng 2

**Câu 33:** .K dạ dày ở giai đoạn sớm phát triển theo:

A. Bề dầy của thành DD B. Di căn phúc mạc

C. Số lượng sang thương trên DD D. Di căn vào buồng trứng

E. Xâm lấn vào cơ quan lân cận

**Câu 34:** .Tỷ lệ K dạ dày ở các khác nhau có thể do:

A. Tập quán sinh hoạt B. Điều kiện làm việc

C. Môi trường D. Tập quán ăn uống

E. Màu da

**Câu 35:** .Yếu tố nào sau đây không phải yếu tố thuận lợi của K dạ dày:

A. Viêm dạ dày cấp tính B. Tình trạng vô toan của DD

C. Nhiễm HP dạ dày D. Thiếu máu ác tính

E. Loét DD

**Câu 36:** .Một BN nam 40t, bị loét tá tràng kèm theo viêm DD mạn thể phì đại, yếu tố nào kể trên là yếu tố thuận lợi của K dạ dày:

A. Nam B. Viêm DD mạn tính thể phì đại

C. 40t D. Loét tá tràng

E. Tất cả đều đúng

**Câu 37:** .Căn cứ vào yếu tố nào để phát hiện ổ loét ác tính của DD?

A. Diễn tiến của triệu chứng đau sau điều trị B. Nội soi sinh thiết

C. Chụp DD kiểm tra D. B và C đúng

E. Tất cả đều đúng

**Câu 38:** .Ở những BN có nguy cơ mắc K dạ dày cao, cần phải theo dõi bằng:

A. Cân nặng B. Chụp đối quang kép DD

C. Diễn tiến của triệu chứng đau D. Nội soi sinh thiết

E. Câu C và D đúng

**Câu 39:** .Triệu chứng nào không có trong gđ sớm của K dạ dày:

A. Ăn không ngon miệng B. Chán ăn

C. Cảm giác chậm tiêu D. Ậm ạch, đầy tức bụng

E. Khối u nhỏ vùng trên rốn

**Câu 40:** .Không có dấu hiệu nào sau đây khi khám bụng của BN K dạ dày:

A. Di căn gan B. U buồng trứng Krukenberg

C. Di căn lách D. Mảng cứng ở túi cùng Douglas (Blumer)

E. Di căn thành bụng trước

**Câu 41:** .Tại sao K dạ dày được phát hiện sớm ở Nhật bản?

A. Vì nền kinh tế phát triển B. Chương trình sàng lọc K dạ dày

C. Tỷ lệ mắc bệnh K DD cao D. Chỉ định mổ rộng rãi trong loét DD

E. Mạng lưới y tế phát triển tốt

**Câu 42:** .Điều trị K dạ dày chủ yếu bằng:

A. Phẫu thuật B. Xạ trị

C. Hóa trị D. A, C đúng

E. B, C đúng

**Câu 43:** .Cần có yếu tố nào sau đây để cải thiện tiên tượng của K dạ dày:

A. Phát hiện bệnh ở gđ sớm B. Nạo vét hạch ở các nhóm hạch chặng 2

C. Cắt DD toàn phần D. Kết hợp với hóa trị

E. A, B đúng

**Tình huống cho câu 44, 45, 46:** Một BN nam, 50t, đến khám vì gần đây mệt mỏi, sụt ký, chán ăn, đầy bụng, ăn uống không tiêu.

**Câu 44:** .Yếu tố nào sau đây của BN không làm tăng nguy cơ mắc K dạ dày:

A. Viêm dạ dày B. Tiền sử bị thủng ổ loét tá tràng

C. Gia đình có người bị K dạ dày D. Loét DD

E. Đã bị HP ở DD

**Câu 45:** .Khi khám LS chỉ phát hiện được da niêm mạc nhạt màu, bụng mềm, không có khối u. Thái độ xử trí của chúng ta:

A. Điều trị triệu chứng B. Siêu âm ổ bụng

C. Chụp đối quang kép DD D. Tái khám sau 1 tháng

E. Tất cả đều đúng

**Câu 46:** .Kết quả XQ trả lời BN bị K DD gđ sớm vì có hình ảnh nào sau đây?

A. Hình bánh đường B. Hang vị bị hẹp lại

C. Hình lõi táo D. Ổ loét hình thấu kính

E. Tất cả đều sai

**Câu 47:** .Các biến chứng của bệnh loét xảy ra ở theo trình tự nào?

A. Hẹp môn vị, chảy máu, thủng B. Chảy máu, hẹp môn vị, thủng

C. Hẹp môn vị, thủng, chảy máu D. Chảy máu, thủng, hẹp môn vị

E. Thủng, chảy máu, hẹp môn vị

**Câu 48:** .Biến chứng của hẹp môn vị do loét hiện nay chiếm tỉ lệ:

A. 2-5% B. 15-20%

C. 6-10% D. 20-25%

E. 10-15%

**Câu 49:** .Hẹp môn vị do loét gặp nhiều nhất ở?

A. Bờ cong nhỏ B. Hành tá tràng

C. Môn vị D. Bờ cong lớn

E. Hang vị

**Câu 50:** .Chẩn đoán hẹp môn vị, triệu chứng nào ít có giá trị nhất?

A. Nôn ra thức ăn cũ, hết đau sau khi nôn B. Chụp XQ: Dạ dày dãn lớn hình cái chậu

C. Dấu Bouveret và dấu óc ách khi đói D. Cảm giác đầy bụng, ậm ạch, khó tiêu

E. Hình ảnh tuyết rơi trên chiếu XQ

**Câu 51:** Một BN bị hẹp môn vị do loét hành tá tràng, lớn tuổi, kèm theo bệnh lý toàn thân nặng khác. Phương pháp điều trị nào phù hợp:

A. Nối vị tràng B. Cắt TK X + mở rộng môn vị

C. Cắt TK X + nối vị tràng D. Cắt dạ dày

E. Mở thông hỗng tràng nuôi ăn

**Câu 52:** .Điều trị hẹp môn vị về nguyên tắc, ngoại trừ:

A. Điều trị hồi sức trước mổ

B. Là một cấp cứu ngoại khoa và mổ càng sớm càng tốt

C. Là một cấp cứu ngoại khoa có trì hoãn

D. Giải quyết cùng lúc biến chứng hẹp và nguyên nhân

E. Chọn lựa phương pháp phẫu thuật phụ thuộc vào BN, trình độ PTV, trang bị, hoàn cảnh

**Câu 53:** .Hút DD trong hẹp môn vị nhằm mục đích, ngoại trừ:

A. Là động tác bắt buộc B.Giảm bớt phù nề, co thắt

C. Giảm bớt viêm nhiễm D.Giúp cho Phẫu thuật được tốt

E. Không cần thiết vì có thể gây tai biến như chảy máu hoặc khó chịu cho BN

**Câu 54:** . Chẩn đoán hẹp môn vị do K dạ dày, chọn câu sai:

A. Thường gặp ở tuổi 40-60 B. Sờ được u nằm trên rốn

C. Dấu Bouveret ít gặp D. Có tiền căn đau nhiều năm

E. XQ dạ dày: Vùng hang-môn vị có hình khuyết, bờ nham nhở

**Câu 55:** .Hẹp môn vị do K hang vị đã được nội soi chẩn đoán xác định. BN này tiếp tục được chụp XQ dạ dày, vì lý do nào chính xác nhất sau đây?

A. Muốn xác định chẩn đoán rõ hơn B. Để dự kiến PP mổ, mốc cắt DD

C. Muốn có bằng chứng khách quan hơn D. Để xem thuốc ứ đọng ở DD

E. Muốn đánh giá lưu thông của dạ dày

**Câu 56:** .Trong điều trị hồi sức nội khoa hẹp môn vị trước mổ, với các biện pháp dưới đây:

A. Hút rửa dạ dày B. Nâng đỡ thể trạng

C. Bồi phụ nước và điện giải D. Cả 3 biện pháp đều không quan trọng

E. Cả 3 biện pháp đều quan trọng

**Câu 57:** .Trong chỉ định phẫu thuật nối vị tràng điều trị hẹp môn vị do loét, chỉ định nào sau đây được xem là đúng nhất?

A. Thể trạng BN quá yếu B. PTV không quen cắt dạ dày

C. BN lớn tuổi có bệnh mạn tính đi kèm D. Thương tổn loét lớn và sâu ở tá tràng

E. Điều kiện hồi sức chỉ có thể gây tê tại chỗ để mổ

**Câu 58:** .Phương pháp cắt dạ dày để điều trị hẹp môn vị do loét, được chỉ định vì các lý do, ngoại trừ:

A. Là phẫu thuật triệt căn

B. Cắt dạ dày cho kết quả tốt

C. Cắt dạ dày là phẫu thuật lớn

D. Cắt dạ dày có tỷ lệ loét sau mổ (miệng nối, tái phát) thấp hơn nhiều so với nối vị tràng

E. Cắt dạ dày là phẫu thuật triệt căn, kết quả tốt. Vì vậy được chỉ định rộng rãi cho bất cứ BN hẹp môn vị do loét

**Câu 59:**. .Cắt dạ dày điều trị hẹp môn vị do ung thư, ngoại trừ:

A. Hợp lý nhất

B. Là phẫu thuật triệt căn (cắt dạ dày + nạo hạch)

C. Điều trị biến chứng hẹp và bệnh ung thư

D. Là phẫu thuật làm sạch (cắt dạ dày + cắt các cơ quan bị K xâm lấn)

E. Cắt dạ dày không cần thiết điều trị hóa trị kèm theo

**Câu 60:** .Nối vị tràng trong hẹp môn vị do K dạ dày, được chỉ định, ngoại trừ:

A. PT đơn giản nhẹ nhàng, ai mổ cũng được B. K đã di căn xa

C. Khi tổn thương K đã lan rộng, xâm lấn tụy D. Thể trạng BN quá xấu

E. Bao giờ cũng phải nối trước đại tràng ngang và nối mặt trước dạ dày

**Câu 61:** .Mở hỗng tràng nuôi ăn do K dạ dày được chỉ định:

A. Thiếu phương tiện, gây mê hồi sức không đảm bảo

B. Phẫu thuật viên còn ít kinh nghiệm cắt dạ dày

C. Chỉ có thể gây tê tại chỗ để mổ

D. Thương tổn K xâm lấn lên quá cao ở cả hai mặt trước và sau của DD

E. Bn già yếu quá suy kiệt

**Câu 62:** .Điều trị hóa trị hỗ trợ cho BN hẹp môn vị do K tốt nhất nên chỉ định:

A. Sau phẫu thuật mở thông hỗng tràng nuôi ăn B. Sau phẫu thuật nối vị tràng

C. Sau phẫu thuật cắt DD làm sạch D. Sau đặt stent qua nội soi DD

E. Sau phẫu thuật cắt DD + nạo hạch

**Câu 63:** . Ở BN có H.pylori (+), điều trị tiệt trừ Hp có thể được đặt ra trong những tình huống sau, ngoại trừ:

A. Cho BN hẹp môn vị cơ năng và điều trị trước mổ

B. Hẹp môn vị do loét, điều trị sau cắt DD

C. Hẹp môn vị do loét sau nối vị tràng/cắt TK X

D. Không chỉ định điều trị tiệt trừ Hp vì cần nghiên cứu thêm

E. Nên chỉ định điều trị tiệt trừ.

**Câu 64:** Một BN 80t, bị hẹp môn vị do K hang vị, kèm theo lao phổi tiến triển. Phương pháp điều trị nào phù hợp:

A. Nối vị tràng B. Cắt dạ dày kèm nạo hạch

C. Đặt stent qua nội soi DD D. Cắt dạ dày làm sạch

E. Mở thông hỗng tràng nuôi ăn

**Câu 65:** Một BN 75t, bị hẹp môn vị do loét hành tá tràng, kèm theo suy tim, đái tháo đường và có chỉ định gây tê tại chỗ để mổ. Phương pháp điều trị nào phù hợp:

A. Cắt dạ dày B. Cắt TK X tại thân, nối vị tràng

C. Cắt TK X chọn lọc cao thân vị D. Nối vị tràng

E. Cắt TK X tại thân, mở rộng môn vị

**Câu 66:** .Phẫu thuật nối vị tràng trong điều trị hẹp môn vị do loét:

A. Nối vào hang vị

B. Nối vào mặt sau DD xuyên mạc treo đại tràng ngang

C. Nối vào mặt trước DD xuyên mạc treo đại tràng ngang

D. Nối vào mặt sau DD trước đại tràng ngang

E. Nối vào mặt trước DD trước đại tràng ngang

**Câu 67:** .Phẫu thuật nối vị tràng trong điều trị hẹp môn vị do ung thư:

A. Nối vào hang vị

B. Nối vào mặt sau DD xuyên mạc treo đại tràng ngang

C. Nối vào mặt trước DD xuyên mạc treo đại tràng ngang

D. Nối vào mặt sau DD trước đại tràng ngang

E. Nối vào mặt trước DD trước đại tràng ngang

**Câu 68:** .Một BN nữ, hẹp môn vị do K hang vị, lan lên thân vị, di căn phúc mạc và buồng trứng (Krubenberg). Phương pháp phẫu thuật nào sau đây được sử dụng:

A. Cắt dạ dày kèm nạo hạch B. Mở thông hỗng tràng nuôi ăn

C. Cắt dạ dày làm sạch D. Đặt stent qua nội soi DD

E. Nối vị tràng

**Câu 69:** .Nguyên nhân nào sau đây dễ dẫn đến hẹp môn vị nhất?

A. K vùng thân vị B. Loét xơ chai hành tá tràng

C. K vùng phình vị D. Loét mặt trước hang vị

E. Loét góc bờ cong nhỏ DD

**Câu 70:** CLS nào có độ chính xác cao nhất để chẩn đoán giai đoạn T của K dạ dày?

A. Chụp XQ dạ dày cản quang B. Chụp CT bụng chậu cản quang

C. Chụp PET scan D. Chụp MRI bụng chậu

E. Siêu âm qua Nội soi DD

**Câu 71:** .Đặc điểm giai đoạn tăng trương lực trong HC hẹp môn vị là:

A. DD dãn lớn B. Tình trạng kiềm hóa

C. Đau quặn cơn D. Suy dinh dưỡng

E. Mất nước, điện giải đáng kể

**Câu 72:** Đặt ống thông mũi - DD trong hẹp môn vị nhằm mục đích, ngoại trừ:

A. Bơm thuốc cản quang chụp DD nếu cần B. Giải áp bớt dịch và hơi trong DD

C. Phòng ngừa hít sặc khi gây mê D. Giảm biến chứng xì rò miệng nối sau mổ

E. Rửa dạ dày trước mổ nếu cần

**Câu 73:** .Các rối loạn nào sau đây không phù hợp với hẹp môn vị?

A. Tăng Hct, Ure, Creatinin B. Hạ Clo máu

C. Dự trữ kiềm máu giảm D. Hạ Kali máu

E. Hạ Albunmin máu

**Câu 74:** .Đặc điểm nào sau đây không phải của tình trạng tắc nghẽn đường thoát dạ dày (Gastric Outlet Obstruction):

A. Nôn ói thường sau bữa ăn B. Đau bụng quặn cơn sau ăn

C. Đầy bụng, chướng bụng lên sau ăn D. Nôn vọt không kèm buồn nôn

E. Nôn ói xong dễ chịu

**Câu 75:** .Đặc điểm khác biệt của điều trị Carcinoma tb gai so với Carcinoma tb tuyến là:

A. Carcinoma tb gai phẫu thuật dễ hơn B. Carcinoma tb gai tiên lượng sống lâu hơn

C. Carcinoma tb gai nhạy hóa trị hơn D. Carcinoma tb gai có thuốc nhắm trúng đích

E. Carcinoma tb gai nhạy xạ trị hơn

**Câu 76:** .BN nam, 65t, đến khám vì gần đây mệt mỏi, chán ăn, đầy bụng, ăn uống không tiêu. Khám LS phát hiện da niêm hồng nhạt, bụng mềm, không có khối u. Chỉ định nào sau đây là phù hợp?

A. Điều trị triệu chứng, theo dõi B. Nội soi dạ dày

C. Chụp XQ kép DD D. Siêu âm ổ bụng

E. Chụp CT bụng chậu cản quang

**Câu 77:** .Nhuộm hóa mô miễn dịch nào sau đây áp dụng cho K dạ dày để điều trị liệu pháp nhắm trúng đích?

A. CD 20 B. P53

C. CD 117 D. Ki67

E. Her 2

**Câu 78:** .Khi nói về K dạ dày gđ sớm, câu nào sau đây sai:

A. Là không xâm lấn lớp dưới niêm

B. Là không di căn hạch

C. Có thể điều trị bằng cắt lớp dưới niêm mạc qua nội soi (ESD)

D. Có thể điều trị bằng cắt lớp niêm mạc qua nội soi (EMR)

E. Có thể điều trị bằng mổ cắt dạ dày, nạo hạch D2

**Câu 79:** .Nguy cơ chảy máu tiêu hóa tái phát cao nhất ở nhóm nguyên nhân nào dưới đây?

A. Viêm dạ dày B. Ổ loét tá tràng Forrest IIc

C. HC Malory-Weiss D. Ung thư hang vị

E. Tổn thương Dieulafoy

**Câu 80:** .Triệu chứng thực thể có giá trị nhất trong HC hẹp môn vị?

A. Nhìn thấy bụng lõm lòng thuyền B. Nghe nhu động ruột tăng

C. Ấn đau thượng vị D. Dấu óc ách khi đói dương tính

E. Sờ được khối u ở vùng thượng vị

**Câu 81:** . Triệu chứng cơ năng có giá trị nhất trong HC hẹp môn vị?

A. Đau bụng trên rốn, quặn cơn B. Nôn muộn ra thức ăn cũ

C. Tiểu ít D. Nôn ra thức ăn có lẫn dịch mật

E. Sụt cân >5kg trong 3 tháng

**Câu 82:** .Sờ được u vùng thượng vị gợi ý đến những bệnh lý sau đây, ngoại trừ:

A. K dạ dày B. K bóng Vater

C. K đại tràng ngang D. K tụy

E. K gan

**Câu 83:** .Đối với K dạ dày vùng thân vị gđ T4aN2M1 (Di căn đa ổ 2 thùy), chưa có biến chứng XHTH hay hẹp môn vị, điều trị được chọn lựa là:

A. PT cắt bỏ toàn bộ DD làm sạch, sau đó hóa trị

B. PT cắt toàn bộ DD, nạo hạch D2, sau đó hóa trị

C. PT cắt toàn bộ DD, nạo hạch D2, sau đó xạ trị

D. Hóa trị, sau đó xét chỉ định phẫu thuật

E. Xạ trị, sau đó xét chỉ định phẫu thuật

**Câu 84:** . BN nam, 50t, 6 tháng nay đầy bụng, âm ạch khó tiêu, nôn ra thức ăn cũ, sụt cân 5kg, táo bón. BMI 18kg, niêm hồng nhạt, hạch ngoại vi (-). Bụng lõm lòng thuyền, dấu Bouveret (+), bụng mềm, không sờ được u. Chỉ định chẩn đoán hình ảnh để chẩn đoán bệnh:

A. Chụp dạ dày B. Chụp lưu thông ruột non

C. Chụp thực quản D. Chụp bụng đứng

E. Siêu âm bụng

**Câu 85:** .BN nam, 50t, đến khám tại BV huyện, được nội soi dạ dày: 1 ổ loét 1,5cm ở vùng hang vị, bờ gồ cao và kết quả sinh thiết của BN là: Carcinoma tuyến ở gđ xâm nhập. Carcinoma tuyến ở gđ xâm nhập là K xâm lấn vượt quá lớp nào của dạ dày:

A. Dưới niêm mạc B. Lớp cơ vòng

C. Màng đáy D. Lớp cơ dọc

E. Lớp cơ niêm

**Câu 86:** .BN nữ, 48 tuổi, trở lại tái khám sau 2 năm điều trị Carcinoma tuyến phần ngang bờ cong nhỏ DD, gđ T3N2M0. BN được cắt bán phần DD và nạo hạch lympho, tái lập lưu thông bằng nối vị tràng theo PP Billroth 2. Tình tràng K dạ dày tái phát được nghĩ đến nhiều hơn khi phát hiện được dấu hiệu nào sau đây?

A. Hạch vùng rốn phổi B. Phân nhỏ, rắn, đen

C. Da niêm vàng D. BMI 23t.

E. Tiêu ra máu đỏ tươi

**Câu 87:** .Yếu tố nào sau đây không phải là Yếu tố thuận lợi của K dạ dày?

A. Nhiễm Hp dạ dày B. Thiếu máu ác tính

C. Loét DD D. Viêm dạ dày cấp tính

E. Tình trạng vô toan của dạ dày

**Câu 88:** Yếu tố nào sau đây không phải là Yếu tố thuận lợi của K dạ dày?

A. Nhiễm Hp dạ dày B. Thiếu máu ác tính

C. Loét DD

D. Loét dạ dày tiến triển nhanh (Hoặc câu khác hỏi: Dạ dày tăng tiết quá mức)

E. Tình trạng vô toan của dạ dày

**Câu 89:** .Tiên lượng K dạ dày phụ thuộc các yếu tố, ngoại trừ:

A. Vị trí thương tổn B. Phương pháp phẫu thuật

C. Giới tính D. Tính biệt hóa của mô ung thư

E. Giai đoạn bệnh

**Câu 90:** .Chẩn đoán nguyên nhân hẹp môn vị?

A. Hẹp môn vị do K thường có triệu chứng âm ỉ lâu dài không đột ngột như hẹp do loét

B. Thường chẩn đoán được trước khi mổ

C. Dạ dày gãn lớn và dấu hiệu Bouveret thường gặp do K hơn là do loét

D. Hẹp môn vị do K thường gặp ở người lớn tuổi, hẹp do loét gặp ở tuổi thanh niên

E. XQ có hình cắt cụt, bờ cứng trong hẹp môn vị do loét

**Câu 91:** .Ung thư dạ dày, chọn câu sai:

A. Nhiễm Hp là yếu tố thuận lợi B. Ung thư hang vị chiếm 1/3 các trường hợp

C. Đa sô là Carcinoma tuyến 95% D. Xếp loại TNM, K dạ dày có 4 gđ

E. Trên XQ có 3 hình ảnh chính: Hình khuyết, ổ đọng thuốc và hình ảnh “tấn ván nổi trên mặt sóng”.

**Câu 92:** Trong điều trị hồi sức nội khoa hẹp môn vị trước mổ, với các biện pháp dưới đây là sai:

A. Hút rửa dạ dày B. Nâng đỡ thể trạng

C. Bù điện giải D. Thuốc kháng tiết

E. Bù đủ nước

**Câu 93:** .Loại mô học thường gặp nhất trong K dạ dày là:

A. K biểu mô tuyến B. GISTs

C. K tế bào gai D. Sarcoma

E. Lymphoma

**Câu 94:** .CLS nào sau đây có độ chính xác cao trong đánh giá giai đoạn K dạ dày trước mổ?

A. XQ dạ dày cản quang B. Chụp CT-scan

C. Nội soi dạ dày D. CEA

E. Siêu âm bụng

**Câu 95:** .Triệu chứng LS sớm nhất trong K dạ dày:

A. Cảm giác đầy bụng, ăn chậm tiêu B. Báng bụng

C. Vàng da, vàng mắt D. Da xanh, niêm mạc nhạt

E. Đau thượng vị liên tục, đau về đêm

**Câu 96:** .BN nam 60t, nhập viện vì nôn ra máu, kèm sờ được khối u 5x6cm ở vùng thượng vị, không di động, giới hạn không rõ. Chẩn đoán được nghĩ đến nhiều nhất?

A. Vỡ giãn TM thực quản B. K đầu tụy

C. K thực quản D.K đại tràng

E. K dạ dày

**Câu 97:** .Các dấu hiệu gợi ý K dạ dày ở BN trên 60t, ngoại trừ:

A. Ăn khó tiêu B. Sụt cân

C. Đau thượng vị D. Chán ăn

E. Đau quặn bụng, kèm triệu chứng mắc đi tiêu trong cơn đau hay sau khi ăn

**Câu 98:** .Yếu tố nguy cơ của K dạ dày, ngoại trừ: (Sách Ngoại khoa ống tiêu hóa/p.66)

A. Loét dạ dày B. Nhiễm H.pylori

C. Viêm teo dạ dày D. Chế độ ăn nhiều muối nitrate

E. Chế độ ăn ít chất xơ

**Câu 99:** .K dạ dày không gây biến chứng nào sau đây?

A. Hẹp môn vị B. Xuất huyết tiêu hóa

C. Rò dạ dày – tụy D. Thủng dạ dày

E. Rò dạ dày – đại tràng

**Câu 100:** .Khối u của K dạ dày theo TNM thì T3 có nghĩa là đã xâm lấn:

A. Xâm lấn đến cơ quan xung quanh B. Xâm lấn đến lớp cơ và dưới thanh mạc

C. Xâm lấn đến lớp dưới niêm D. Xâm lấn đến lớp cơ

E. Xuyên qua thanh mạc nhưng chưa xâm lấn đến cơ quan xung quanh

**Câu 101:** .Dấu hiệu nuốt nghẹn gợi ý đến những nguyên nhân sau, ngoại trừ:

A. K thực quản B. Hẹp thực quản do hóa chất

C. K dạ dày vùng hang vị D. Co thắt tâm vị

E. K dạ dày vùng tâm vị

**Câu 102:** . CLS nào nên được chỉ định đầu tiên trước 1 BN có triệu chứng nuốt nghẹn?

A. Nội soi DDTT B. XQ thực quản DD cản quang

C. Siêu âm bụng D. Chụp CT-scan

E. Chụp MRI

**Câu 103:** .Điều trị K biểu mô tuyến của dạ dày gđ II, chọn 1 câu đúng?

A. Hóa trị giữ vai trò quyết định B. Xạ trị giữ vai trò quyết định

C. Cắt lớp dưới niêm mạc qua nội soi (ESD)

D. Cắt lớp niêm mạc qua nội soi (EMR)

E. Phẫu thuật giữ vai trò quyết định

**Câu 104:** .Vai trò của nội soi dạ dày – tá tràng trong chẩn đoán K dạ dày?

A. Ít có giá trị hơn so với XQ DD cản quan B. Giúp đánh giá gđ bệnh

C. Không cần thiết đối với K gđ muộn D. Có giá trị cao đối với các trường hợp sớm

E. Giúp đánh giá mức độ xâm lấn của tổn thương

**Câu 105:** .CLS nào sau đây được xem như tiêu chuẩn vàng để chẩn đoán K DD?

A. XQ DD cản quang B. Siêu âm bụng

C. Nội soi DDTT + Sinh thiết làm GPB D. Chụp MRI

E. Chụp CT-scan

**Tình huống cho câu 106, 107:** BN nam, 35t, nhập viện vì nôn ói. BN nôn ói 2 ngày nay, ngày càng tăng, nhất là sau ăn, nôn xong thấy dễ chịu hơn, không thấy máu trong chất nôn. BN không đau bụng, không sốt, trung tiện được, chưa đi tiêu trong 2 ngày nay, tiêu bình thường.

Tiền căn: Viêm dạ dày Hp (+) đã điều trị khỏi 4 năm trước, thỉnh thoảng uống ít rượu, mổ cắt ruột thừa nội soi do VRT 2 năm trước.

Khám: BN tỉnh táo, tiếp xúc tốt, môi khô, khát nước. Bụng mềm, xẹp, ấn không đau khu trú, không sờ thấy khối u.

**Câu 106:** .Chẩn đoán nào sau đây là phù hợp nhất?

A. Hẹp môn vị do loét DDTT B. Tắc đường thoát DD do u đầuvtụy

C. Hẹp môn vị do K dạ dày D. Tắc ruột do dính

E. Viêm tụy cấp

**Câu 107:** .Lựa chọn nào tiếp theo là phù hợp?

A. Nội soi dạ dày B. Chụp XQ bụng đứng không sửa soạn

C. Chụp XQ dạ dày cản quang D. Chụp MRI bụng chậu cản từ

E. Chụp MSCT bụng chậu cản quang

**Câu 108:** .CLS nào có giá trị nhất giúp chẩn đoán K dạ dày ở giai đoạn sớm?

A. Nội soi dạ dày tá tràng B. Chụp XQ bụng đứng không sửa soạn

C. Chụp XQ dạ dày cản quang D. Chụp MRI bụng chậu cản từ

E. Chụp MSCT bụng chậu cản quang

**Câu 109:** .Các đối tượng nên tầm soát K dạ dày mỗi năm, ngoại trừ: (chọn 2 đáp án)

A. Nhiễm Hp kháng trị B. Nghiện rượu, thuốc lá

C. Chế độ ăn nhiều rau D. Viêm dạ dày cấp tính

E. Viêm chuyển sản niêm mạc DD

**Câu 110:** .BN nam, 49t, ăn uống chậm tiêu gần 1 tháng nay kèm việc hay mệt mỏi. Lúc nhập viện: Tỉnh táo, da niêm hồng, sinh hiệu ổn. Khám thấy bụng mềm, xẹp, sờ không phát hiện u. Kết quả nội soi DDTT ghi nhận: Có 1 ổ loét #5cm, vùng 1/3 dưới của DD và kết quả sinh thiết ở bờ ổ loét: Carcinoma tuyến biệt hóa kém, xâm nhập. Chụp CT-scan bụng: Có 1 khối hạch #5cm ở bờ cong nhỏ, nhiều hạch 2-4cm dọc ĐM chủ bụng. XQ dạ dày chưa ghi nhận hẹp môn vị. Phương pháp điều trị được lựa chọn là?

A. Điều trị nội khoa nâng đỡ B. Cắt bán phần dưới DD và nạo hạch D1

C. Cắt bán phần dưới DD làm sạch D. Cắt bán phần dưới DD và nạo hạch D2

E. Hóa trị trước rồi đánh giá giai đoạn lại sau hóa trị.

**Tình huống Câu 111, 112:** .BN nam, 49 tuổi, nhập viện vì ăn uống chậm tiêu gần 2 tháng nay. Thỉnh thoảng đau bụng thượng vị về đêm. Lúc nhập viện: Tỉnh táo, da niêm hồng, sinh hiệu ổn. Bụng mềm xẹp, sờ không thấy u. Hạch ngoại vi (-). Kết quả nội soi có 1 ổ loét nông, đường kính 3cm, vùng tâm vị của dạ dày và kết quả sinh thiết bờ ổ loét: Carcinoma tuyến biệt hóa vừa, xâm nhập.

**Câu 111:** CLS nào làm thêm để chẩn đoán giai đoạn bệnh

A. Siêu âm qua ngã nội soi B. Chụp XQ bụng đứng không sửa soạn

C. Chụp XQ dạ dày cản quang D. Chụp MRI bụng chậu cản từ

E. Chụp MSCT bụng chậu cản quang

**Câu 112:** .Chẩn đoán cuối cùng của BN này là: Carcinoma tuyến dạ dày, T3N2M0. Điều trị thích hợp là?

A. Cắt toàn bộ DD và nạo hạch D2 B. Cắt bán phần dưới DD và nạo hạch D1

C. Cắt toàn bộ DD và nạo hạch D1 D. Cắt bán phần dưới DD và nạo hạch D2

E. Cắt bán phần trên DD và nạo hạch D2

**Câu 113:** .Triệu chứng đau trong hẹp môn vị có đặc điểm:

A. Đau liên tục, đau tăng sau nôn B. Đau cơn, đau giảm sau nôn

C. Đau liên tục, đau giảm sau nôn D. Đau cơn, đau tăng sau nôn

**Câu 114:** .Bệnh nào sau đây gây vàng da sau gan?

A. Dùng nhiều thực phẩm chứa lycopen/caroten B. Hội chứng Gillbert

C. Tán huyết D. Thiếu men Gluronyl Transferase

E. K dạ dày giai đoạn tiến triển xa

**Tình huống cho câu 115, 116:** BN nam 36t đến khám bệnh vì đau bụng, bệnh sử có đau thượng vị âm ỉ 6 tháng nay, cảm giác đầy bụng, tiêu tiểu bình thường. Khám bụng sờ được 1 khối ở vùng thượng vị đường kính #4cm, di động, không liên tục với bờ sườn.

**Câu 115:** .Chẩn đoán LS nào được nghĩ đến ở BN này?

A. U gan (T) B. U dạ dày

C. U gan (P) D. U tá tràng

E. U tụy

**Câu 116:** .CLS nào phù hợp nhất giúp xác định chẩn đoán?

A. Nội soi dạ dày tá tràng B. Xét nghiệm CEA

C. SA bụng D. CT-scan ổ bụng

E. Xét nghiệm CA 19.9

**Tình huống cho câu 117, 118, 119:** Một BN nam 45t, đến khám vì nuốt nghẹn tăng dần 2 tháng nay, kèm sụt cân, tiêu phân vàng. Khám bụng không phát hiện bất thường.

**Câu 117:** .Chẩn đoán nào sau đây ít nghĩ đến nhất?

A. K thực quản B. Co thắt tâm vị

C. K tâm vị D. Viêm hạch trung thất

E. Viêm hẹp thực quản

**Câu 118:** .CLS nào nên thực hiện trước tiên?

A. Nội soi dạ dày tá tràng B. Chụp XQ bụng đứng không sửa soạn

C. Chụp XQ dạ dày cản quang D. Chụp MRI bụng chậu cản từ

E. Chụp MSCT bụng chậu cản quang

**Câu 119:** .Kết quả XQ dạ dày, nội soi và CT-scan cho thấy loét nhiễm cứng ở tâm vị, kích thước #5cm, vài hạch ở bờ cong nhỏ dạ dày, không thấy tổn thương gan. Kết quả GPB là viêm dạ dày mạn. Hướng xử trí nào sau đây là phù hợp?

A. Cắt toàn bộ DD và nạo hạch B. Cắt bờ ổ loét

C. Cắt bán phần DD và nạo hạch D. Điều trị nội khoa và mở hỗng ra da

E. Điều trị nội khoa kèm cắt TK X

**Đáp án:**

**1.E 2.B 3.D 4.D 5.D 6.B 7. C**

**8. E 9. B 10.D 11.C 12.A 13.C 14.B**

**15.F 16.D 17.E 18.B 19.C 20.B 21.A**

**22.A 23.D 24.D 25.D 26.E 27.B 28. B**

**29. A 30.B 31.C 32.A 33.A 34.D 35.A**

**36.B 37.D 38.E 39.E 40.C 41.B 42.A**

**43.E 44.B 45.C 46.E 47.D 48.A 49.B**

**50. D 51. A 52.B 53.E 54. D 55.B 56.E**

**57. B 58. E 59. E 60.A 61.D 62.E 63.D**

**64.A 65.D 66.B 67.E 68.B 69.B 70.E**

**71.C 72.D 73.C 74.D 75.E 76.B 77.E**

**78.B 79.D 80.D 81.B 82.B 83.D 84.A**

**85.E 86.C 87.D 88.D 89.C 90.B 91.B**

**92.D 93.A 94.B 95.A 96.E 97.E 98.???**

**99.C 100.B 101.C 102.B 103.??? 104.D 105.C**

**106.A 107.A 108.A 109.(C+D) 110.??? 111.??? 112.???**

**113.B 114.E 115.B 116.A 117.??? 118.??? 119.???**